

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN N**  
**TỈNH KON TUM**  
Số: 08/2021/QĐST – KDTM.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*N, ngày 14 tháng 9 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 18/2021/TLST – KDTM ngày 12 tháng 7 năm 2021;

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

**Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP N;

Địa chỉ: Số X đường K, phường L, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Ngọc M – Phó trưởng phòng phụ trách phòng giao dịch N - Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh K;

Địa chỉ: Số Y đường H, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum;

**Đồng bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Ph; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ T, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai;

Nơi tạm trú (nơi ở): Thôn B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum;

Và bà Vũ Thị Ng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ T, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai;

Nơi tạm trú (nơi ở): Số V, đường S, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai;

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về việc thanh toán nợ vay:**

Trong năm 2020 Ngân hàng TMCP N cho ông Nguyễn Văn Ph và bà Vũ Thị Ng vay tổng số tiền gốc 620.000.000đ (*Sáu trăm hai mươi triệu đồng*) theo 03 hợp đồng tín dụng, cụ thể:

2.1.1. Hợp đồng tín dụng số 164/20/CT/NHNT.HN, ngày 26/3/2020; số tiền gốc vay 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*), thời hạn cho vay 11 tháng; lãi suất 9,7%/năm; lãi quá hạn 12,61%/năm.

Tính đến ngày 14/9/2021, còn nợ: (gốc 119.839.666đ + lãi trong hạn 6.112.933đ + lãi quá hạn 1.805.770đ).

2.1.2. Hợp đồng tín dụng số 339/20/CT/NHNT.HN, ngày 09/6/2020; số tiền gốc vay 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), thời hạn cho vay 11 tháng; lãi suất 9,7%/năm; lãi quá hạn 12,61%/năm.

Tính đến ngày 14/9/2021, còn nợ: (gốc 100.000.000đ + lãi trong hạn 5.100.822đ + lãi quá hạn 960.247đ).

2.1.3. Hợp đồng tín dụng số 500/20/CT/NHNT.HN, ngày 12/8/2020; số tiền gốc vay 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*), thời hạn cho vay 11 tháng; lãi suất 9,2%/năm; lãi quá hạn 11,96%/năm.

Tính đến ngày 14/9/2021, còn nợ: (gốc 400.000.000đ + lãi trong hạn 19.307.395đ + lãi quá hạn 1.704.986đ).

Tính đến hết ngày 14/9/2021 (ngày thỏa thuận này có hiệu lực) thì ông Nguyễn Văn Ph và bà Vũ Thị Ng còn tổng dư nợ của 03 hợp đồng tín dụng: (Nợ gốc 619.839.666đ + lãi trong hạn 30.521.150đ + lãi quá hạn 4.471.003đ), tổng cộng gốc và lãi: 654.992.153đ (*Sáu trăm năm mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn, một trăm năm mươi ba đồng*).

Ông Nguyễn Văn Ph và bà Vũ Thị Ng có trách nhiệm trả tổng số tiền dư nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 14/9/2021 là 654.992.153đ (*Sáu trăm năm mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn, một trăm năm mươi ba đồng*) và lãi tiếp theo kể từ ngày 15/9/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ.

## **2.2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:**

Áp dụng Điều 306 luật Thương Mại và Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Công nhận thỏa thuận giữa Ngân hàng TMCP N với ông Nguyễn Văn Ph và bà Vũ Thị Ng: Kể từ ngày 15-9-2021 nếu ông Nguyễn Văn Ph và bà Vũ Thị Ng chậm thanh toán tiền thì phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn bằng 130% lãi trong hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán trong mỗi hợp đồng, tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi thi hành xong nợ. Mức lãi suất cho vay cố định nên bên vay không phải chịu sự điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay.

### ***2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:***

Ông Nguyễn Văn Ph và bà Vũ Thị Ng chịu trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng TMCP N 2.780.000đ (*Hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật. Nếu chậm trả chịu lãi 10%/năm/số tiền chậm trả.

### ***2.4. Về xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ:***

Cho đến hết tháng 10 năm 2021 ông Nguyễn Văn Ph và bà Vũ Thị Ng không trả đủ tiền gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP N được yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo các Hợp đồng thế chấp như sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 26/03/NHNT ngày 26/3/2020 là: Thửa đất số 124, tờ bản đồ số 74 tại thôn H, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CO 364604 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp ngày 30/8/2018 cho ông Nguyễn Văn Ph.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 15/07/NHNT ngày 15/7/2019 là: Thửa đất số 69 (83), tờ bản đồ số 84 tại quốc lộ 14, thôn N, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CK 455662 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp ngày 14/11/2017 cho ông Nguyễn Văn Ph và bà Vũ Thị Ng. Đăng ký biến động ngày 15/11/2017; ngày 02/4/2019; ngày 02/5/2019.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 12/08/NHNT ngày 12/8/2020 là: Thửa đất số 34 + 35 + 36, tờ bản đồ số 16 tại thôn H, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CV 512010 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp ngày 16/7/2020 cho ông A Kh và bà Y Đ; ghi nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Ph và bà Vũ Thị Ng vào ngày 28/7/2020.

Nếu tài sản bảo đảm xử lý dư nợ thì phần dư trả lại cho ông Nguyễn Văn Ph và bà Vũ Thị Ng, còn thiếu thì ông Nguyễn Văn Ph và bà Vũ Thị Ng tiếp tục trả số tiền còn thiếu.

### ***2.5. Về án phí:***

Căn cứ Điều 144, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Ông Nguyễn Văn Ph và bà Vũ Thị Ng phải nộp 15.099.000đ (*Mười lăm triệu không trăm chín mươi chín nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Ngân hàng TMCP

N được nhận lại 14.700.000đ (*Mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0002748 ngày 11-7-2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Nguyên đơn;
- Đồng bị đơn;
- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện;
- Lưu: HSVA.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Hảo**